

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN L  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 28-9-2021  
“V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH TRÀ VINH**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Nhật Thành.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Thạch Thanh Long.

2. Ông Nguyễn Văn Xuôi.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Đinh Văn Dư – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Trà Vinh.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Văn Tính – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2021/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 4 năm 2021 về “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Chị Phùng Thị V, sinh năm 1996 (Có mặt)

Nơi ĐKKHKT: ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Trà Vinh. Chỗ ở hiện nay: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

*- Bị đơn:* Anh Lê Văn L, sinh năm 1992 (Có mặt)

Nơi cư trú: ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Trà Vinh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 22-02-2021, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phùng Thị V trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn L do quen biết, tìm hiểu nhau và được sự đồng ý của gia đình hai bên tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban Nhân dân xã H, huyện L vào năm 2016. Nữ trang cưới gia đình hai bên có cho chị 03 cây vàng 24 Kra nhưng vợ chồng đã bán hết để

làm ăn hiện không còn. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống bên gia đình chồng hạnh phúc được khoảng 02 (Hai) năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Khoảng cuối tháng 7/2020 âm lịch do chị có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác bị anh L phát hiện và bắt được nên chị về nhà cha mẹ ruột tại ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh sống vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay không hàn gắn được. Do tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn L.

Về con chung: Chị và anh Lê Văn L có một người con chung là Lê Ngọc A, sinh ngày 21 tháng 8 năm 2018 hiện đang sống với anh L. Khi ly hôn, do con chung còn nhỏ và là con gái nên chị yêu cầu được nuôi dưỡng và không đặt ra yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Chị xác định giữa chị và anh Lê Văn L quá trình chung sống không tạo lập tài sản chung, hiện nay không nợ ai, cũng không ai nợ chị và anh L, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Theo bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Lê Văn L trình bày:* Anh và chị V do quen biết, tìm hiểu nhau được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới năm 2016 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban Nhân dân xã H, huyện L. Nữ trang cưới gia đình hai bên có cho nhưng không nhớ, vợ chồng cũng đã thống nhất bán hết để làm ăn hiện không còn. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống tại nhà anh thuộc ấp B, xã H, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng tháng 07/2020 thì chị V có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác ở bên ngoài, không lo cho gia đình, chồng con, anh đã khuyên can nhiều lần nhưng chị V không thay đổi đến ngày 13/9/2020 thì anh có bắt được chị V ngoại tình với người đàn ông khác nên chị V đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay và yêu cầu ly hôn với anh.

Nay chị Phùng Thị V yêu cầu ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị V.

Về con chung: Có một người tên Lê Ngọc A, sinh ngày 21 tháng 8 năm 2018 hiện đang sống với anh. Khi ly hôn, do cháu A từ nhỏ đã được anh chăm sóc và hiện đang sống chung với anh nên anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu A và không đặt ra yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả: Quá trình chung sống anh với chị V không có tạo lập được tài sản chung, không thiếu nợ ai và cũng không ai thiếu nợ vợ chồng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời

điểm trước khi Hội đồng xét xử nghị án, thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Vấn đề thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu cũng như việc gửi, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình cụ thể còn vắng mặt tại các buổi công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đề nghị áp dụng các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của chị Phùng Thị V: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phùng Thị V với anh Lê Văn L; Về con chung: Giao cháu Lê Ngọc A, sinh ngày 21/8/2018 cho anh Lê Văn L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con do anh L chưa có yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này; Về tài sản chung và nợ chung: Chị V và anh L chưa có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Ngoài ra, Vị đề nghị nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện L nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị V đối với anh Lê Văn L có nơi cư trú tại ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Trà Vinh.

[2]. *Về hôn nhân:* Xét thấy chị Phùng Thị V và anh Lê Văn L xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 16/02/2016, nên hôn nhân của chị V và anh L là hôn nhân hợp pháp. Sau

khoảng thời gian chung sống thì vợ chồng chị V, anh L phát sinh mâu thuẫn. Chị V cho rằng nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Khoảng cuối tháng 7/2020 âm lịch do chị V có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác bị anh L phát hiện và bắt được nên chị về nhà cha mẹ ruột tại ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh sống vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay không hàn gắn được, nên chị V yêu cầu được ly hôn với anh L. Anh L cũng cho rằng chị V có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác ở bên ngoài, không lo cho gia đình, chồng con, anh đã khuyên can nhiều lần nhưng chị V không thay đổi đến ngày 13/9/2020 thì anh bắt được chị V đang ngoại tình với người đàn ông khác nên chị V đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay.

[3]. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,...*”. Đáng lẽ ra chị V, anh L phải biết tự điều chỉnh hành vi của bản thân, xử sự cho có lý, có tình, cùng góp ý, tôn trọng, chung thủy lẫn nhau để tìm cách giải quyết mọi vấn đề phát sinh trong cuộc sống hôn nhân một cách tốt đẹp nhất, để bảo vệ hạnh phúc gia đình. Nhưng khi mâu thuẫn xảy ra chị V, anh L mỗi người mỗi việc, sống ở hai nơi khác nhau, không còn quan tâm, cũng không liên hệ để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặc khác, chị V yêu cầu ly hôn với anh L và được anh L đồng ý. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, sự thuận tình ly hôn giữa chị V và anh L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4]. *Về yêu cầu nuôi con*: Quá trình giải quyết vụ án và tại Tòa hôm nay chị V và anh L đều có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Lê Ngọc A, sinh ngày 21 tháng 8 năm 2018. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị V và anh L đều là lao động tự do nên thời gian để chăm sóc con là như nhau. Chị V và anh L cho rằng thu nhập của mình hàng tháng từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng, có cung cấp cho Tòa án giấy xác nhận thu nhập. Tuy nhiên, qua xác minh của Tòa án với chính quyền địa phương ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh thì khoảng một năm nay địa phương thấy chị V về sống và phụ mua bán tạp hóa cùng với gia đình thuộc xã H; nguồn thu nhập của cả gia đình chị V (gồm bốn người) khoảng 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng một tháng. Địa phương không xác định được cụ thể nguồn thu nhập của chị V mỗi tháng là bao nhiêu, chị V cũng không còn nộp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh thu nhập của mình. Đối với anh L, qua xác minh của Tòa án với chính quyền địa phương ấp B, xã H, huyện L, tỉnh

Trà Vinh thì anh L là người lo chí thú làm ăn, không có tham gia vào các tệ nạn xã hội ở địa phương, thu nhập cụ thể của anh L là bao nhiêu tiền một tháng thì địa phương không xác định được nhưng đều khẳng định thu nhập của anh L là trên 5.000.000 đồng một tháng. Ngoài ra, địa phương cũng đề nghị để đảm bảo cho sự phát triển tâm, sinh lý của trẻ em thì con đang sống chung với ai nên để cho người đó tiếp tục nuôi dưỡng.

[5]. Mặc khác, từ khi cháu A được sinh ra cho đến nay sống với anh L và gia đình thuộc ấp B, xã H; trong thời gian vợ chồng chị V, anh L ly thân hơn một năm nay, cháu A cũng do anh L chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo về mọi mặt, chị V cũng thừa nhận anh L chăm sóc con chung tốt. Trong thời gian ly thân, anh L và gia đình cũng tạo điều kiện để chị V đến thăm, rước con. Vì vậy, Để cháu A có cuộc sống ổn định nhằm phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức và tinh thần, tránh thay đổi môi trường sống làm ảnh hưởng đến đời sống và sinh hoạt hàng ngày của cháu A từ đó nghĩ nên giao cháu A cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị V có quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L chưa có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. *Về tài sản chung và về nợ chung phải thu, phải trả*: Chị Phùng Thị V và anh Lê Văn L xác định quá trình chung sống không tạo lập được tài sản chung, không nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[8]. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Chị Phùng Thị V và anh Lê Văn L có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 70, 144, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26, Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị V.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phùng Thị V với anh Lê Văn L.

Về con chung: Giao con chung tên Lê Ngọc A, sinh ngày 21 tháng 8 năm 2018 cho anh Lê Văn L tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Văn L chưa đặt ra yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung, Về nợ chung: Chị Phùng Thị V và anh Lê Văn L khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Phùng Thị V phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*), nhưng được căn trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005115, ngày 06 tháng 4 năm 2021 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện L thu. Chị V được nhận lại số tiền chênh lệch là 225.000 đồng (*Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

Anh Lê Văn L phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*).

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã H;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Nhật Thành**